

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 358/2018/HNST ngày 22 tháng 5 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Bích H, sinh năm 1982
- Bị đơn: Ông Rittinarongchai T, sinh năm 1969

Cùng địa chỉ: 108 đường M, khu dân cư HL, khu phố E, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người phiên dịch cho ông Rittinarongchai T: Bà Nguyễn Thủy N sinh năm 1987; Địa chỉ: 4A, Khu phố I, thị trấn C, huyện M, tỉnh Bến Tre

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 6 năm 2018;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 6 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Trần Thị Bích H và ông Rittinarongchai T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Trần Thị Bích H và ông Rittinarongchai T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 2519, quyển số 09 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/7/2010).

- Về quan hệ con chung: Bà Trần Thị Bích H và ông Rittinarongchai T có 02 con chung: Họ tên là Rittinarongchai Hồng V sinh ngày 15/11/2010 và Rittinarongchai Thi R sinh ngày 09/3/2013.

Giao cho bà Trần Thị Bích H trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 (hai) con chung; ông Rittinarongchai T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 2 (hai) con 50.000.000 đồng/tháng (Năm mươi triệu đồng một tháng).

Thi hành vào ngày 15 hàng tháng. Bắt đầu thi hành vào ngày 15/07/2018 cho đến khi phát sinh các căn cứ khác làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

Ông Rittinarongchai T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp ông Rittinarongchai T chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thi hành.

- Về quan hệ tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Các đương sự xác định là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Bích H tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp hôn nhân và gia đình là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0025500 ngày 22/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, hoàn lại cho bà Trần Thị Bích H số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng);

Ông Rittinarongchai T chịu án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu (X.Duyên).

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đỗ Quốc Đạt